

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TT
TỈNH P**

Số: 30 /2022/QĐST-HNGĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thanh Thủy, ngày 05 tháng 5 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 30/2022/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: Anh Phạm Văn G, sinh năm 1992.

ĐKHKT: Khu 4, xã B, huyện TT, tỉnh P.

Bị đơn: Chị Đỗ Thị T, sinh năm 1996.

ĐKHKT: Khu 4, xã B, huyện TT, tỉnh P.

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào các Điều 55; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 4 năm 2022.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 4 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Văn G và chị Đỗ Thị T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

*Về con chung: Anh G và chị T đều xác định có 02 con chung là cháu Phạm Tùng L, sinh ngày 26/11/2018 và cháu Phạm Thanh T1, sinh ngày 24/01/2021. Anh chị thoả thuận:

- Giao con chung là cháu Phạm Tùng L cho anh G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ tháng 5/2022 cho tới khi cháu L thành niên.

- Giao con chung là cháu Phạm Thanh T1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ tháng 5/2022 cho tới khi cháu T1 thành niên.

Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp Quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án, cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân

sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*Về tài sản chung, nợ chung, cho vay, công sức đóng góp: Anh G và chị T đều xác định không có và không đề nghị giải quyết.

*Về án phí ly hôn: Anh Phạm Văn G nhận nộp cả 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005933 ngày 22/3/2022 của chi cục thi hành án Dân sự huyện TT, tỉnh P. Hoàn trả lại cho anh G số tiền chênh lệch là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện TT;
- THA Dân sự huyện TT;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lương Viết Tú